

**I. CÁC LỚP KHÓA 16, 17, 18**

| Thứ                  | Lớp<br>Buổi | 16DTH1                                        | 16DTH2                                          | 16DTH3                                                              | 17DCNTT1                                         | 17DCNTT2                                          | 17DCNPM                                             | 18DCNTT1                                         | 18DCNTT2                                          | 18DCNPM                                      |
|----------------------|-------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| <b>Hai<br/>10/11</b> | <b>S</b>    | IoT - 4<br>(T. Toàn - <b>P.A8</b> )           | Lắp ráp cài đặt - 4<br>(T. Nghĩa - <b>PM3</b> ) | Quản lý DAPM - 2<br>(C. Anh - <b>PM5</b> )                          |                                                  |                                                   |                                                     | Tiếng anh CB3 -4<br>(C. Út - <b>P. A10</b> )     | Cấu trúc dữ liệu - 4<br>(T. Viêm - <b>P. 14</b> ) | XSTK - 2<br>(T. Hoàn - <b>P. 15</b> )        |
|                      | <b>C</b>    |                                               |                                                 |                                                                     | Sinh hoạt CĐ<br><b>13h30 (P. 13)</b>             | Lập trình Python - 3<br>(T. Hôn - <b>P. A8</b> )  | Lập trình GDND - 4<br>(T. Chính - <b>PM5</b> )      | CSDL - 4<br>(C. Anh - <b>P. 14</b> )             | Lý thuyết đồ thị - 3<br>(T. Hải - <b>P.A7</b> )   |                                              |
| <b>Ba<br/>11/11</b>  | <b>S</b>    | Kỹ năng mềm - 5<br>(C. Phước - <b>P. A9</b> ) |                                                 | Kiểm thử và đảm bảo<br>chất lượng PM - 4<br>(C. Quýt - <b>PM1</b> ) | Lập trình Python - 4<br>(T. Tuấn - <b>P.13</b> ) | Lập trình Python - 3<br>(T. Hôn - <b>P. A7</b> )  | PT yêu cầu PM - 3<br>(C. Lợi - <b>P. A10</b> )      | XSTK - 4<br>(T. Linh - <b>P. 15</b> )            | CSDL - 4<br>(T. Thừa- <b>PM3</b> )                | Cơ sở dữ liệu - 4<br>(C. Trâm - <b>PM5</b> ) |
|                      | <b>C</b>    |                                               | IoT - 4<br>(T. Toàn - <b>P.15</b> )             | Kiểm thử và đảm bảo<br>chất lượng PM - 4<br>(C. Quýt - <b>PM5</b> ) |                                                  | PTUD trên Linux - 4<br>(T. Chính - <b>P. A9</b> ) |                                                     | CSDL - 4<br>(C. Anh - <b>P.A10</b> )             |                                                   |                                              |
| <b>Tư<br/>12/11</b>  | <b>S</b>    | LTUD Mobile - 4<br>(T. Trường - <b>PM5</b> )  |                                                 | Kiểm thử và đảm bảo<br>chất lượng PM - 4<br>(C. Quýt - <b>PM3</b> ) | Lập trình Python - 4<br>(T. Tuấn - <b>P.13</b> ) |                                                   | Mạng máy tính - 4<br>(T. Toàn - <b>P.A8</b> )       |                                                  |                                                   |                                              |
|                      | <b>C</b>    | IoT - 4<br>(T. Toàn - <b>P.15</b> )           |                                                 | Kiểm thử và đảm bảo<br>chất lượng PM - 4<br>(C. Quýt - <b>PM5</b> ) | Lịch sử ĐCSVN - 2<br>(C. Kiều - <b>P. A10</b> )  |                                                   | PTTKHT- 4<br>(C. Anh - <b>P. A7</b> )               | CNXHKH - 3<br>(C. Trang - <b>P. A8</b> )         |                                                   |                                              |
| <b>Năm<br/>13/11</b> | <b>S</b>    |                                               | Kỹ năng mềm - 5<br>(C. Phước - <b>P. A7</b> )   | Hệ QTCSDL - 4<br>(T. Hạnh - <b>PM3</b> )                            |                                                  | Lập trình Python - 4<br>(T. Hôn - <b>PM5</b> )    | Mạng máy tính - 4<br>(T. Toàn - <b>P.A8</b> )       |                                                  |                                                   |                                              |
|                      | <b>C</b>    |                                               |                                                 | Quản lý DAPM - 4<br>(C. Anh - <b>P.A10</b> )                        |                                                  |                                                   |                                                     |                                                  | CNXHKH - 3<br>(C. Trang - <b>P. A8</b> )          | Tiếng anh CB3- 4<br>(T. Bảo- <b>P. 13</b> )  |
| <b>Sáu<br/>14/11</b> | <b>S</b>    |                                               |                                                 |                                                                     | Lập trình GDND - 4<br>(C. Trâm - <b>PM5</b> )    |                                                   | Lập trình Python - 4<br>(T. Chính - <b>P. A10</b> ) | Cấu trúc dữ liệu - 4<br>(T. Viêm - <b>P.A7</b> ) | Tiếng anh CB3- 4<br>(C. Loan - <b>P. A9</b> )     | CNXHKH - 3<br>(C. Trang - <b>P. A8</b> )     |
|                      | <b>C</b>    |                                               | LTUD Mobile - 4<br>(T. Trường - <b>PM5</b> )    | Bảo trì PM - 2<br>(T. Nghĩa - <b>P. A9</b> )                        |                                                  | Lịch sử ĐCSVN - 2<br>(C. Kiều - <b>P. A10</b> )   | Lập trình GDND - 4<br>(T. Chính - <b>PM3</b> )      | Lý thuyết đồ thị - 3<br>(T. Hải - <b>P.15</b> )  | Xác suất thống kê - 4<br>(T. Tâm- <b>P. A7</b> )  |                                              |
| <b>Bảy<br/>15/11</b> | <b>S</b>    |                                               |                                                 |                                                                     | Hệ điều hành - 4<br>(T. Hạnh - <b>PM3</b> )      | PTUD trên Linux - 4<br>(T. Chính - <b>PM1</b> )   | Lịch sử ĐCSVN - 2<br>(C. Kiều - <b>P. A10</b> )     |                                                  |                                                   |                                              |
|                      | <b>C</b>    |                                               |                                                 |                                                                     | PTUD trên Linux - 4<br>(T. Hôn - <b>PM5</b> )    |                                                   | Lập trình Python - 4<br>(T. Chính - <b>PM3</b> )    |                                                  |                                                   |                                              |
| <b>CN<br/>16/11</b>  | <b>S</b>    |                                               |                                                 |                                                                     |                                                  |                                                   |                                                     |                                                  |                                                   |                                              |
|                      | <b>C</b>    |                                               |                                                 |                                                                     |                                                  |                                                   |                                                     |                                                  |                                                   |                                              |

Lưu ý : Các phòng học lý thuyết P. 13, P. 14, P. 15 ở Cơ sở 1; riêng Phòng A7, A8, A9, A10, GĐ7 ở Cơ sở 2

II. CÁC LỚP KHÓA 19

| Thứ          | Lớp<br>Buổi | 19DCNTT1                                                                           | 19DCNTT2                                      | 19DCNPM                                        |
|--------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|
| Hai<br>10/11 | S           | ĐK & CL - 4<br>(T. Mai - T. Phúc) <b>N2</b>                                        |                                               | Tiếng anh CB1 -4<br>(C. Tú- <b>P. 13</b> )     |
|              | C           | THCB - 4<br>(T. Toàn - <b>P. 15</b> )                                              | KTMT - 4<br>(T. Hiền - <b>PM6</b> ) <b>N2</b> | Sinh hoạt CĐ<br><b>13h30 (P. 13)</b>           |
| Ba<br>11/11  | S           | THCB - 4<br>(T. Toàn - <b>P. 14</b> )                                              | ĐK & CL - 4<br>(C. Thu-T. Phúc)- <b>N2</b>    |                                                |
|              | C           | Toán cao cấp - 2<br>(T. Tâm- <b>P. 14</b> )                                        | THCB - 4<br>(C. Trâm - <b>P. 13</b> )         | KTMT - 4<br>(T. Hiền - <b>PM6</b> )            |
| Tư<br>12/11  | S           | PLĐC - 4<br>(C. Diễm - <b>P. 14</b> )                                              | Toán cao cấp - 4<br>(T. Hoàn- <b>P. 15</b> )  | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang)                      |
|              | C           | Tiếng anh CB1 - 3<br>(C. An- <b>P. 14</b> )                                        | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang) <b>N1</b>           | THCB - 2<br>(C. Lợi - <b>P. 13</b> )           |
| Năm<br>13/11 | S           | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang) <b>N1</b><br>ĐK & CL - 4<br>(T. Mai - T. Phúc) <b>N2</b> | Tiếng anh CB1 -4<br>(C. Sang - <b>P. 14</b> ) | Toán cao cấp - 4<br>(T. Minh- <b>P. 13</b> )   |
|              | C           | KTMT - 4<br>(T. Hiền - <b>PM6</b> ) <b>N2</b>                                      | THCB - 4<br>(C. Trâm - <b>P. 14</b> )         |                                                |
| Sáu<br>14/11 | S           | Toán cao cấp - 3<br>(T. Tâm- <b>P. 14</b> )                                        | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang)- <b>N1</b>          | PLĐC - 4<br>(C. Diễm - <b>P. 13</b> )          |
|              | C           | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang) <b>N1</b>                                                | PLĐC - 4<br>(C. Diễm - <b>P. 14</b> )         | Triết học MLN - 4<br>(T. Hiệp - <b>P. 13</b> ) |
| Bảy<br>15/11 | S           |                                                                                    | ĐK & CL - 4<br>(C. Thu - T. Phúc) <b>N2</b>   | ĐK & BC - 4<br>(T. Quang)                      |
|              | C           | Triết học MLN - 4<br>(T. Hiệp - <b>GD7</b> )                                       |                                               | THCB - 4<br>(C. Lợi - <b>PM1</b> )             |
| CN<br>16/11  | S           |                                                                                    |                                               |                                                |
|              | C           |                                                                                    |                                               |                                                |

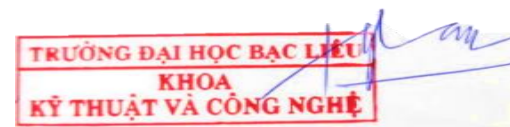
Lưu ý : Các phòng học lý thuyết P. 13, P. 14, P. 15 ở Cơ sở 1; riêng Phòng A7, A8, A9, A10, GD7 dãy B ở Cơ sở 2  
Các môn Bóng chuyên, Điền kinh học ở sân trường bên Cơ sở 2

ĐK&BC: Điền kinh & bóng chuyên; KTMT: Kiến trúc máy tính; THCB: Tin học căn bản

Hai môn Tin học căn bản, Kiến trúc máy tính của 2 lớp 19DCNTT1,2 chia 2 nhóm, Nhóm 1 (N1) là 34 sinh viên, Nhóm 2 (N2) là 25 sinh viên để đủ chỗ học Phòng máy.

Cà Mau, ngày 31 tháng 10 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHOA



Huỳnh Huy Tuấn

THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

| TT        | Họ tên                            | Số điện thoại | Email               |
|-----------|-----------------------------------|---------------|---------------------|
| <b>I</b>  | <b>Khoa Kỹ thuật và Công nghệ</b> |               |                     |
| 1         | Huỳnh Huy Tuấn                    | 0918.670.365  | hhtuan@blu.edu.vn   |
| 2         | Võ Ngọc Lợi                       | 0374.614.988  | vnloi@blu.edu.vn    |
| 3         | Huỳnh Thị Mỹ Trâm                 | 0859.499.755  | htmtram@blu.edu.vn  |
| 4         | Nguyễn Hoàng Hôn                  | 0856.090.121  | nhhon@blu.edu.vn    |
| 5         | Hà Thị Phương Anh                 | 0939.380.382  | htpanh@blu.edu.vn   |
| 6         | Triệu Yến Yến                     | 0919.000.775  | tyyen@blu.edu.vn    |
| 7         | Triệu Vĩnh Viêm                   | 0943.859.909  | tvviem@blu.edu.vn   |
| 8         | Trương Xuân Hạnh                  | 0983.029.077  | txhanh@blu.edu.vn   |
| 9         | Hoàng Ngọc Hiền                   | 0943.008.175  | hnhiem@blu.edu.vn   |
| 10        | Tô Khánh Toàn                     | 0949.983.252  | tktoan@blu.edu.vn   |
| 11        | Trần Phước Nghĩa                  | 0983.825.829  | tpnghia@blu.edu.vn  |
| 12        | Tào Thanh Hải                     | 0918.442.636  | tthai@blu.edu.vn    |
| <b>II</b> | <b>Mời giảng</b>                  |               |                     |
| 1         | Diệp Thị Hồng Phước               | 0913.989.693  | dthphuoc@blu.edu.vn |
| 2         | Nguyễn Khải Hoàn                  | 0919.677.904  | nkhoan@blu.edu.vn   |
| 3         | Nguyễn Hữu Tâm                    | 0946.707.819  | nhtam@blu.edu.vn    |
| 4         | Đào Thị Thu                       | 0909.137.213  | dtthu@blu.edu.vn    |
| 5         | Nguyễn Vinh Quang                 | 0916.909.737  | nvquang@blu.edu.vn  |
| 6         | Trương Thị Kiều                   | 0944.878.527  | ttkieu@blu.edu.vn   |
| 7         | Phạm Thanh Loan                   | 0982.299.295  | ptloan@blu.edu.vn   |
| 8         | La Thùy Diễm                      | 0967.077. 778 |                     |
| 9         | Nguyễn Văn Trọng                  | 0949.119.599  | nvtrong@blu.edu.vn  |
| 10        | Lê Quốc Bảo                       | 0944.683.132  | lqbao@blu.edu.vn    |
| 11        | Sâm Ngọc Khả Tú                   | 0793.659.644  |                     |
| 12        | Diệp Kiều Trang                   | 0913458993    |                     |
| 13        | Huỳnh Thị Út                      | 0946.463.232  |                     |
| 14        | Đào Thị Thu                       | 0944930040    |                     |
| 15        | Liên Trọng Nghĩa                  | 0835575799    |                     |
| 16        | Trang Minh Thừa                   | 0916.876.870  |                     |
| 17        | Trịnh Khánh Linh                  | 0366750780    |                     |
| 18        | Đoàn Nhật Trường                  | 0939292293    |                     |
| 19        | Huỳnh Kim Quýt                    | 0869157939    |                     |

THÔNG TIN LỚP TRƯỞNG

| TT | Lớp      | Họ tên               |  | Số điện thoại |
|----|----------|----------------------|--|---------------|
| 1  | 16DTH1   | Trần Quốc Đại        |  | 0775.825.544  |
| 2  | 16DTH2   | Tô Trung Nhân        |  | 0825.143.736  |
| 3  | 16DTH3   | Bùi Kiên Nhân        |  | 0911.357.371  |
| 4  | 17DCNTT1 | Đỗ Quốc Huy          |  | 0888.406.610  |
| 5  | 17DCNTT2 | Huá Trí Nguyên       |  | 0815205393    |
| 6  | 17DCNPM  | Thiều Thị Mỹ Ngọc    |  | 0387.284.547  |
| 7  | 18DCNTT1 | Hồ Thương Hoài       |  | 0869770760    |
| 8  | 18DCNTT2 | Trần Vũ Duy          |  | 0975594796    |
| 9  | 18DCNPM  | Cao Anh Lộc          |  | 0944836300    |
| 10 | 19DCNTT1 | Nguyễn Gia Hoàng     |  | 0399210706    |
| 11 | 19DCNTT2 | Phạm Nguyễn Yến Linh |  | 0949411051    |
| 12 | 19DCNPM  | Đỗ Hồng Phước        |  | 0913717040    |

|    |                   |            |  |
|----|-------------------|------------|--|
| 20 | Trần Văn Ut Chính |            |  |
| 21 | Tô Hoàng Hiệp     | 0913631977 |  |
| 22 | Nguyễn Thông Minh | 0977533957 |  |

PM1,,6,A9

trống pm3,6,a10,14

pm1,6

trong A9,10  
pm6

PM1,6

a10,15 pm5

a8,10 ,13,15 PM6

A10

14, PM6

pm6 a8,9